

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**  
**Năm báo cáo: 2024**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch : PETEC COFFEE JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0304263392
- Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 30 tỷ đồng
- Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, Tp.HCM
- Số điện thoại : 028.35173215
- Số fax : 028.35178571
- Website : petecof.vn
- E-Mail : coffee@petecof.vn
- Mã cổ phiếu : PCF
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Cà phê PETEC là công ty được thành lập từ một Chi nhánh và ngành hàng kinh doanh của Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Tới nay, Công ty đã trải qua quá trình phát triển lâu dài, ổn định qua gần 20 năm với uy tín cao trên thị trường. Cụ thể các giai đoạn phát triển của Công ty:

- 12/2005 Công ty cổ phần Cà phê Petec là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một ngành hàng kinh doanh của Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC, theo Quyết định số 3146/QĐ-BTM của Bộ Thương mại về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Chi nhánh Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC tại tỉnh Lâm Đồng (số ĐKKD 305927, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/07/1998) trực thuộc Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC thành Công ty cổ phần Cà phê PETEC.
- 03/2006 Công ty cổ phần Cà phê PETEC được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304263392 lần đầu ngày 27/3/2006.
- 11/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng thông qua phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho CBCNV, cổ đông hiện hữu.

2008 - nay Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cà phê PETEC phát triển trên 02 hướng chính: kinh doanh nông sản và kinh doanh xăng dầu. Công ty cổ phần Cà phê PETEC, là hội viên Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (VICOFA) trong nhiều năm; kinh doanh xuất khẩu cà phê Robusta, là một trong 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê hàng đầu cả nước. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy CN ĐKDN số 0304263392 do Sở KHVT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 27/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10/06/2022 với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

- Các sự kiện khác:

Ngày 24/3/2007, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007.

Ngày 05/4/2008, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008.

Ngày 11/4/2009, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

Ngày 19/3/2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

Ngày 11/3/2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

Ngày 12/3/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

Ngày 09/5/2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

Ngày 14/5/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

Ngày 12/12/2014, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014.

Ngày 24/4/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Ngày 06/5/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Ngày 27/3/2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Ngày 29/3/2017, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cà phê PETEC chính thức giao dịch lần đầu trên Upcom - Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Mã CP: PCF).

Ngày 27/03/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Ngày 19/04/2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Ngày 05/06/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Ngày 23/04/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Ngày 15/04/2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Ngày 27/03/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ngày 27/03/2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Mua bán cà phê, nông lâm;

+ Mua bán thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu;

+ Mua bán phân bón;



- + Đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán nhớt, mỡ;
- + Mua bán thủy sản;
- + Kinh doanh kho bãi;
- + Đại lý bảo hiểm; Môi giới thương mại (trừ môi bất động sản);
- + Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô; Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô - đường thủy nội địa; Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường thủy nội địa qua biên giới Việt Nam;
- + Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- + Kinh doanh bất động sản.

Với mặt hàng chủ lực là cà phê và hạt tiêu, Công ty nâng cao uy tín trên thương trường quốc tế nhờ giá cả hợp lý, chất lượng hàng hóa cao, đạt yêu cầu thử nếm. Hiện nay, Công ty là bạn hàng tin cậy của nhiều công ty nhập khẩu cà phê từ những thị trường chủ lực như: Châu Á, EU, ...

- Địa bàn kinh doanh chính:

- + Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Tỉnh Lâm Đồng, các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

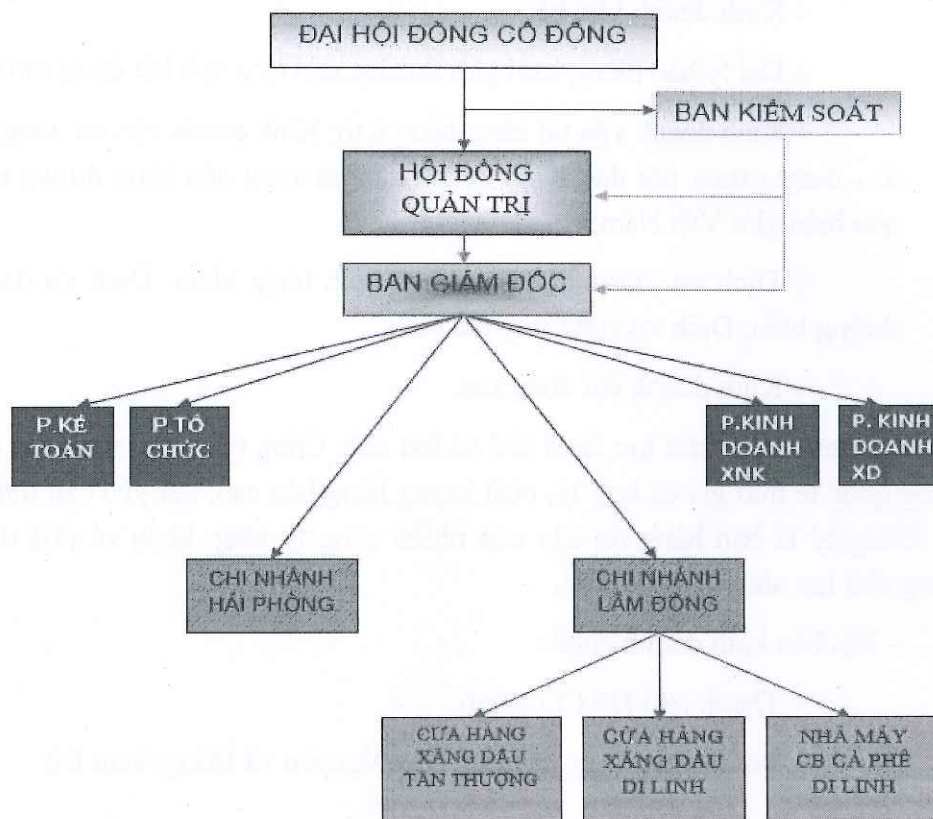
| STT | Công ty                         | Địa chỉ                                                   |
|-----|---------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Trụ sở chính                    | 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM.     |
| 2   | Chi nhánh Hải Phòng             | Số 55-57 Đường Vòng Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng   |
| 3   | Chi nhánh Lâm Đồng              | thôn Đồng Lạc, xã Đinh Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. |
| 3.1 | Cửa hàng xăng dầu Tân Thượng    | xã Tân Thượng, H.Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.                  |
| 3.2 | Cửa hàng xăng dầu Di Linh       | xã Đinh Lạc, H.Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.                    |
| 3.3 | Nhà máy chế biến Cà phê Di Linh | xã Đinh Lạc, H.Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.                    |

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần với chi tiết như sau:

#### 3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt cổ đông sẽ thông qua các báo cáo

tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của công ty cổ phần.



### 3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và Điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của Công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

### 3.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

### 3.4 Ban giám đốc

Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.



Các Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của công ty cổ phần.

### **3.5 Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của pháp luật và giúp Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc giám sát điều hành công tác tài chính, kiểm soát chi phí tại doanh nghiệp. Ngoài ra, kế toán trưởng chịu trách nhiệm thực hiện công tác báo cáo tài chính, kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế và các công việc liên quan đến tài chính kế toán tại doanh nghiệp.

### **3.6 Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban chức năng chịu sự quản lý trực tiếp của các Trưởng phòng ban và Ban Giám đốc, thực hiện các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

**3.7 Các công ty con, công ty liên kết của Công ty con của Công ty cổ phần Cà phê PETEC:** Không có.

## **4. Định hướng phát triển**

### **➤ Triển vọng ngành nông nghiệp xuất khẩu:**

Ngành nông nghiệp Việt Nam với nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực mang tầm vóc thế giới, trong đó xuất khẩu hạt tiêu đứng thứ nhất, gạo, cà phê, sắn đứng thứ hai, được nhận định trong thời gian tới sẽ có nhiều khởi sắc hơn, nhờ nhu cầu thị trường tăng, mở rộng áp dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản nông sản, gia tăng tỷ lệ thành phẩm cao cấp, có thêm các ưu đãi thuế theo lộ trình triển khai các cam kết hội nhập quốc tế.

Riêng về ngành cà phê, trong nhiều năm qua, cà phê vẫn luôn là ngành hàng chiến lược của Việt Nam. Diện tích trồng cà phê tiếp tục tăng. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, nhu cầu mặt hàng cà phê ở mức cao và hiện vẫn tiếp tục tăng qua các năm.

### **➤ Triển vọng ngành xăng dầu:**

Cùng với tốc độ tăng trưởng nhanh của Việt Nam trong những năm gần đây, nhu cầu đi lại của người dân ngày càng tăng, từ đó thúc đẩy phát triển ngành xăng dầu. Cụ thể về ngành hàng xe máy, theo nhận định của một số chuyên gia, thị trường xe máy ở Việt Nam hiện nay tuy đang dần bão hòa song lượng tiêu thụ mặt hàng này vẫn tăng qua các năm. Về ngành hàng ô tô, hầu hết lãnh đạo các doanh nghiệp ô tô lớn tại Việt Nam đều có nhận định về sự tăng trưởng cao của thị trường ô tô trong thời gian

tới, đặc biệt là nhu cầu ở các thành phố lớn. Điều này dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng tăng cao.

### 5. Các rủi ro

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn;

Chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau;

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền do hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu trong năm 2024 giảm so với năm 2023, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm so với năm 2023.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu                                                        | Mã số | Năm 2023 | Năm 2024 | So sánh 2024/2023 |
|-----------------------------------------------------------------|-------|----------|----------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                       | 01    | 203.933  | 26.592   | 13 %              |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                 | 02    |          |          |                   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10    | 203.933  | 26.592   | 13 %              |
| 4. Giá vốn hàng bán                                             | 11    | 195.580  | 23.941   | 12 %              |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)   | 20    | 8.353    | 2.651    | 32 %              |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                | 21    | 955      | 64       | 7%                |
| 7. Chi phí tài chính                                            | 22    | 1.196    | (599)    |                   |
| - Trong đó : chi phí lãi vay                                    | 23    | 576      | 22       | 4%                |
| 8. Chi phí bán hàng                                             | 25    | 5.037    | 1.011    | 20%               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                 | 26    | 2.954    | 2.188    | 74 %              |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30 = 20+(21-22)-(25+26))   | 30    | 121      | 114      |                   |
| 11. Thu nhập khác                                               | 31    | 86       | 2.068    |                   |
| 12. Chi phí khác                                                | 32    | -        | 2.112    |                   |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)                                 | 40    | 86       | (54)     |                   |



|                                                              |    |     |    |     |
|--------------------------------------------------------------|----|-----|----|-----|
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế<br>(50 = 30+40)        | 50 | 207 | 60 | 29% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                              | 51 | -   | 0  |     |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoàn lãi                               | 52 | -   | 0  |     |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | 207 | 60 | 29% |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                             | 70 | 69  | 20 |     |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

So với kế hoạch năm 2024 (đã được ĐHCĐ thường niên thông qua) thì:

Doanh thu đạt 26.592 tỷ đồng / 200 tỷ đồng kế hoạch, đạt 13%

Lợi nhuận đạt 0,06 tỷ đồng / 0,2 tỷ đồng kế hoạch, đạt 30%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ tên           | Chức vụ                                                                      |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Quốc Việt | Giám đốc (QĐ bổ nhiệm 000109/QĐ-PTCF ngày 24/04/2019)                        |
| 2   | Lê Thị Toàn Dung | Trưởng phòng - Phụ trách Phòng kế toán (QĐ 000232/PCF-HĐQT ngày 20/06/2022 ) |

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

➤ Ông Nguyễn Quốc Việt - Giám đốc (QĐ bổ nhiệm 000109/QĐ-PTCF ngày 24/04/2019):

Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 1973  
 Nơi sinh : Hà Nội  
 CCCD : 001073069897  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú : 75 Rạch Bùng Binh, P9, Q.3, TP.HCM  
 Số điện thoại liên lạc : 0913360290  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ

Chức vụ công tác tại Công ty : Giám đốc  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không có  
 Số CP nắm giữ : 15.894 cổ phiếu, chiếm 0,53% Vốn điều lệ  
 (thời điểm 22/12/2016)  
 + Đại diện sở hữu : 581.183 cổ phiếu, chiếm 19,37% Vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu : 15.894 cổ phiếu, chiếm 0,53% Vốn điều lệ  
 Tỷ lệ sở hữu CP người liên quan : Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : 3.000.000 VND (Ba triệu đồng) (Theo điều lệ công ty)

➤ Bà Lê Thị Toàn Dung - Trưởng phòng – Phụ trách kế toán theo QĐ số 000232/PCF-HĐQT ngày 20/06/2022.

Giới tính: : Nữ  
 Năm sinh : 1976  
 Nơi sinh : Quảng Trị  
 CCCD : 070176005486  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Quảng Trị  
 Địa chỉ thường trú : 506/55 Lạc Long Quân, Phường 05, Quận 11, TP Hồ Chí Minh  
 Số điện thoại liên lạc :  
 Trình độ chuyên môn : Đại học  
 Chức vụ công tác tại công ty : Trưởng Phòng  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không  
 Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2022) : 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 +Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 +Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan : Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có  
 - Những thay đổi trong ban điều hành : Không có  
 - Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.



## 2.2 Số lượng người lao động trong Công ty

| Yếu tố                                   | Số lượng(người) | Cơ cấu |
|------------------------------------------|-----------------|--------|
| - Số lượng cán bộ công nhân viên (người) | 3               | 100%   |
| - Phân theo trình độ chuyên môn          |                 |        |
| + Thạc sĩ                                | 01              | 33,3%  |
| + Đại học                                | 02              | 66,7%  |
| + Cao đẳng, trung cấp                    | 0               |        |
| + Công nhân nghề và Lao động phổ thông   | 0               |        |

## 2.3 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

**Chính sách nhân sự chung:** tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn. Nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

### **Chính sách lương thưởng:**

Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng trên tinh thần hiệu quả công việc, về thời gian làm việc theo mùa vụ, và theo từng chức danh được phân công.

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là 13.600.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

## 2.4 Chính sách đào tạo phát triển:

Công ty có chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo kỹ năng - chuyên môn trong suốt quá trình làm việc. Công ty chi trả các khoản học phí các khóa học đào tạo ngắn hạn và dài hạn nhằm khuyến khích nhân viên tự học, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

## 4. Tình hình tài chính

#### 4.1 Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                          | Năm 2023        | Năm 2024       | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 34.872.279.274  | 24.503.277.188 | 30 %        |
| Doanh thu thuần                   | 203.933.471.314 | 26.592.894.761 | 87 %        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 121.657.924     | 114.804.649    | 6%          |
| Lợi nhuận khác                    | 85.824.960      | (54.179.634)   |             |
| Lợi nhuận trước thuế              | 207.482.884     | 60.625.015     | 70%         |
| Lợi nhuận sau thuế                | 207.482.884     | 60.625.015     | 70%         |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 0               | 0              |             |

#### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                                             | Năm 2023 | Năm 2024 | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán                                   |          |          |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn         | 1,74     | 2,96     |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh<br>Tài sản ngắn hạn/Hàng tồn kho            | 6,16     | 39,23    |         |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                                            |          |          |         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                              | 0,39     | 0,13     |         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                            | 0,64     | 0,15     |         |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động                                    |          |          |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân |          |          |         |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                         | 5,8      | 1,08     |         |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                                     |          |          |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                           | 0,0010   | 0,0022   |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                            | 0,0097   | 0,0028   |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                              | 0,0059   | 0,0024   |         |
| + Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần                            | 0,0006   | 0,0043   |         |



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1 Cổ phần

- + Tổng số cổ phần: 3.000.000 CP
- + Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.000.000 CP
- + Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông
- + Hạn chế chuyển nhượng:

\* Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm.

\* Lý do hạn chế chuyển nhượng: Theo quy định tại Khoản 14.5, Điều 14 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cà phê PETEC: số cổ phần mà các thành viên Hội đồng quản trị sở hữu phải nắm giữ trong suốt thời gian đương nhiệm.

Danh sách như sau:

| S<br>t | Họ tên              | Số CMND<br>/CCCD | Địa chỉ                                                            | SLCP hạn<br>chế chuyển<br>nhượng |
|--------|---------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1      | Trịnh Anh Tuấn      | 015075002061     | 14 Thảo Điền, khu phố<br>1A, P.Thảo Điền, TP<br>Thủ Đức, TP. HCM   | 600.000                          |
| 2      | Nguyễn Quốc Việt    | 001073069897     | 75 Rạch Bùng Binh, P9,<br>Q.3, TP.HCM (đảm<br>nhiệm từ 01/05/2019) | 597.077                          |
| 3      | Nguyễn Thị Việt Ánh | 0380014296       | 184 Ngô Quyền, P. 9, Tp<br>Cà Mau, tỉnh Cà Mau                     | 2.570                            |
| 4      | Nguyễn Hoàng Tuấn   | 079086011038     | 137/6 Thống Nhất, P11,<br>Q. Gò Vấp, TP.HCM                        | 581.183                          |
|        | <b>TỔNG CỘNG</b>    |                  |                                                                    | <b>1.780.830</b>                 |

### 5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 26/02/2024 (ngày chốt danh sách cổ đông tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam), như sau:

| STT | Cổ đông            | Số lượng cổ đông | SLCP sở hữu | Tỷ lệ  |
|-----|--------------------|------------------|-------------|--------|
| 1   | Cổ đông trong nước | 539              | 2.983.700   | 99,46% |
|     | - Tổ chức          | 12               | 2.220.345   | 74.41% |
|     | - Cá nhân          | 527              | 763.355     | 25.05% |
| 2   | Cổ đông nước ngoài | 02               | 16.300      | 0,54 % |

|   |                  |            |                  |             |
|---|------------------|------------|------------------|-------------|
| 3 | Cổ phiếu quỹ     | -          | -                | -           |
|   | <b>Tổng cộng</b> | <b>541</b> | <b>3.000.000</b> | <b>100%</b> |

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: không có.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

5.5 Các chứng khoán khác: không có.

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

6.1 Công ty kinh doanh mặt hàng nông sản xuất khẩu và kinh doanh xăng dầu, như sau:

6.1.1 Kinh doanh mặt hàng nông sản xuất khẩu: thuần túy về thương mại, trong năm không hoạt động chế biến hoặc phân loại hàng hóa nông sản nên không tác động đến môi trường;

6.1.2 Kinh doanh bán lẻ xăng dầu:

Công ty có 2 cửa hàng bán xăng dầu: Cửa hàng Xăng dầu Di Linh – Lâm Đồng và Cửa hàng xăng dầu Tân Thượng – Lâm Đồng. Trong năm 2022, Công ty đã cho Tổng công ty PETEC thuê Cửa hàng xăng dầu Tân Thượng – Lâm Đồng. Về Cửa hàng Xăng dầu Di Linh – Lâm Đồng Công ty đã cho Tổng công ty PETEC thuê vào cuối tháng 12 năm 2024.

6.2. Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm và biện pháp khắc phục:

6.2.1. Khả năng ô nhiễm môi trường nước do xăng dầu rơi vãi trong quá trình nhập, xuất. Tuy nhiên, do quy trình nhập, xuất xăng dầu tại Cửa hàng được thực hiện rất chặt chẽ, nên khả năng rơi vãi xảy ra là rất ít.

Biện pháp xử lý: Lượng xăng dầu rơi vãi (nếu có) sẽ được thu gom vào hệ thống cống, rãnh, bể lắng để tách thu hồi. Các hồ gas được lót đáy bằng một lớp bao tải để lọc xăng dầu rơi vãi, định kỳ được thay và thu gom để xử lý.

Năm 2024, Cửa hàng đã tiến hành lấy mẫu phân tích môi trường nước theo chương trình tự giám sát môi trường, kết quả đạt yêu cầu theo quy định.

6.2.2. Khả năng ô nhiễm môi trường do bụi, các loại khí thải, rung, tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động.

Biện pháp xử lý: Lượng bụi đất, khí thải và tiếng ồn chủ yếu phát sinh do các phương tiện ra vào đổ xăng dầu thải ra. Do mật độ xe ít nên khí thải, tiếng ồn không đáng kể và tự phát tán. Tuy nhiên, để hạn chế ô nhiễm môi trường không khí trong khu vực, Cửa hàng chúng tôi đã tiến hành trồng nhiều cây xanh xung quanh và thường



xuyên quét dọn, rửa sạch sẽ khu vực bán hàng.

Năm 2024, Cửa hàng đã tiến hành đo không khí định kỳ theo chương trình tự giám sát môi trường, kết quả đạt yêu cầu theo quy định.

6.2.3. Khối lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày và biện pháp xử lý (kg/ngày): Chủ yếu là rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình các phương tiện vào nhập, xuất xăng dầu và sinh hoạt của nhân viên bán hàng nên khối lượng là không đáng kể và hàng ngày nhân viên bán hàng có trách nhiệm thu gom vào vị trí quy định để xe rác của Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng huyện Di Linh chở tới bãi rác tập trung xử lý. Rác thải sản xuất là các loại giẻ lau, bao tải lọc xăng dầu rơi vãi từ các hố gas được thu gom (số lượng phát sinh hàng năm khoảng 0,5 kg) thiêu đốt .

6.2.4. Khối lượng rác thải độc hại và biện pháp xử lý (kg/ngày): không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): ít .

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

6.4.1 Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.4.2 Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

6.5.1 Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

| Chỉ tiêu                          | Kỳ báo cáo này |
|-----------------------------------|----------------|
| Số lao động đầu kỳ                | 11             |
| Số lao động cuối kỳ               | 3              |
| Số lao động bình quân             | 7              |
| Thu nhập bình quân (đồng) / tháng | 13.600.000     |

6.5.2 Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong năm 2024 đối với công nhân bán xăng dầu đều có chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật: uống sữa hàng ngày.

6.5.3 Hoạt động đào tạo người lao động: Các năm trước có tổ chức tham gia các lớp học ngắn ngày về nghiệp vụ chuyên môn về kinh doanh, bán lẻ xăng dầu và phòng cháy chữa cháy

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương trong

năm: không.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu đạt 26,592 tỷ đồng / 200 tỷ đồng kế hoạch, đạt 13%.

Lợi nhuận đạt 0,06 tỷ đồng / 0,2 tỷ đồng kế hoạch, đạt 30%

- So với năm 2023, năm 2024 tình hình tài chính tiếp tục khó khăn, Công ty phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng với hạn mức 9 tỷ đồng.

- Kinh doanh xăng dầu bán buôn chưa thực hiện được do chờ cơ chế chính sách của Nhà nước.

#### 2. Tình hình tài chính

##### 2.1 Tình hình tài sản:

(Đơn vị tính: đồng):

| TÀI SẢN                               | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>9.024.590.792</b>  | <b>19.802.153.298</b> |
| I. Tiền và tài sản ngang tiền         | 825.952.170           | 7.678.864.104         |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn         |                       | 600.000.000           |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn      | 293.302.359           | 699.933.597           |
| IV. Hàng tồn kho                      | 230.024.426           | 3.212.341.927         |
| V. Tài sản ngắn hạn khác              | 7.675.311.837         | 7.611.013.670         |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>15.478.686.396</b> | <b>15.070.125.976</b> |
| I. Các khoản phải thu dài hạn         |                       |                       |
| II. Tài sản cố định                   | 14.834.848.717        | 15.070.125.976        |
| III. Bất động sản đầu tư              |                       |                       |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn |                       |                       |
| V. Tài sản dài hạn khác               |                       |                       |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>              | <b>24.503.277.188</b> | <b>34.872.279.274</b> |

##### 2.2 Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

|                      | Số cuối năm   | Số đầu năm     |
|----------------------|---------------|----------------|
|                      | (đ)           | (đ)            |
| I. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN | 3.047.041.093 | 11.349.395.468 |
| 1 Vay và nợ ngắn hạn | 0             | 2.043.260.000  |
| Trong hạn dưới 1 năm | 0             | 2.043.260.000  |
| Quá hạn trả          |               |                |
| 2 Phải trả người bán | 2.037.504.000 | 5.754.454.679  |
| Trong hạn dưới 1 năm | 0             | 0              |
| Quá hạn trả          | 2.037.504.000 | 5.754.454.679  |



|                  |                                            |                      |                       |
|------------------|--------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| 3                | Người mua trả tiền trước                   | 612.915.319          | 2.914.010.000         |
|                  | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>                | 612.915.319          | 2.914.010.000         |
|                  | <i>Quá hạn trả</i>                         |                      |                       |
| 4                | Thuê và các khoản phải nộp NN              | 33.681.828           | 5.400.000             |
|                  | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>                | 33.681.828           | 5.400.000             |
|                  | <i>Quá hạn trả</i>                         |                      |                       |
| 5                | Phải trả người lao động                    | 0                    | 128.900.000           |
|                  | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>                | 0                    | 128.900.000           |
|                  | <i>Quá hạn trả</i>                         |                      |                       |
| 6                | Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 0                    | 191.126.862           |
|                  | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>                |                      |                       |
| 7                | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 0                    | 12.393.495            |
|                  | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>                |                      |                       |
|                  | <i>Quá hạn trả</i>                         |                      |                       |
| 8                | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn          | 90.909.093           | 90.909.093            |
|                  | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>                | 90.909.093           | 90.909.093            |
|                  | <i>Quá hạn trả</i>                         |                      |                       |
| 9                | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 272.030.853          | 208.941.339           |
|                  | <i>Trong hạn dưới 1 năm</i>                | 272.030.853          | 208.941.339           |
|                  | <i>Quá hạn trả</i>                         |                      |                       |
| II.              | <b>PHẢI TRẢ DÀI HẠN</b>                    | <b>172.727.275</b>   | <b>2.300.000.001</b>  |
| 1                | Phải trả dài hạn người bán                 |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i>      |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i>      |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 3 năm</i>                |                      |                       |
| 2                | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn           | 22.727.275           | 2.150.000.001         |
|                  | <i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i>      |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i>      |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 3 năm</i>                |                      |                       |
| 3                | Phải trả dài hạn khác                      | 150.000.000          | 150.000.000           |
|                  | <i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i>      |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i>      |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 3 năm</i>                |                      |                       |
| 4                | Vay và nợ dài hạn                          |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i>      |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i>      |                      |                       |
|                  | <i>Trong hạn trên 3 năm</i>                |                      |                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                            | <b>3.219.768.368</b> | <b>13.649.395.469</b> |

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện một số các giải pháp nhằm khuyến khích củng cố tinh thần của những nhân sự chủ chốt và nhân viên có tay nghề cao cùng đồng lòng quyết tâm vượt

qua giai đoạn khó khăn của Công ty.

- Đào tạo, bồi dưỡng và huấn luyện tất cả nhân viên có đầy đủ kiến thức và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc;.

- Quy hoạch đội ngũ quản lý, lãnh đạo phù hợp với mục tiêu phát triển từng năm và giai đoạn 05 năm.

- Cơ cấu lại tài sản

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Công ty đẩy mạnh kinh doanh xăng dầu.

- Có thể triển khai làm Đại lý kinh doanh xe máy điện BEFORALL tại HCM.

(đã có phương án kinh doanh trình ĐHĐCĐ).

- Công ty tăng cường kinh doanh hàng nông sản (khi thị trường thuận lợi) vì có sẵn tên tuổi, thương hiệu, có mạng lưới cung cấp hàng hóa tại Tây Nguyên và Đông Nam Bộ tương đối có uy tín, được nhiều khách hàng nước ngoài tin tưởng đặt mua. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu và kinh doanh nội địa với ngành hàng này. Bên cạnh đó, tăng cường tìm kiếm các mặt hàng mới ngoài các mặt hàng truyền thống là cà phê, hạt tiêu, hạt điều.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Được đăng tải tại website petecof.vn tại mục Công bố thông tin.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:** Hoạt động của Công ty không ảnh hưởng xấu đối với Môi trường, Xã hội và Người lao động.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Ban điều hành quản lý công ty có nhiều kinh nghiệm trong ngành, cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty lành nghề, luôn có tinh thần trách nhiệm cao và ý thức làm việc hiệu quả, nỗ lực nâng cao chất lượng công việc, tạo điều kiện và nguồn lực để Công ty hoàn thành các kế hoạch đã đề ra;

Với những kết quả đạt được trong những năm qua, tập thể Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trong những năm tới: ngoài hai mặt hàng chủ lực là kinh doanh xăng dầu và nông sản; Công ty sẽ liên kết liên doanh với Công ty PETEC, các đơn vị kinh doanh vận tải xăng dầu khác tập trung vào hai lĩnh vực mang tính đột phá là Kinh doanh vận tải xăng dầu và kinh doanh văn phòng, địa ốc. Đây là hai mặt hàng kinh doanh mang lại lợi nhuận cao, tỉ lệ rủi ro thấp, và nhân tố quan trọng là sự quyết tâm cùng với kinh nghiệm từng trải trên thương trường của tập thể Ban lãnh đạo và nhân viên toàn Công ty.



## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Họ tên              | Chức vụ          | Số<br>CMND/CCC<br>D | Cổ phần    |             | Tỷ lệ<br>Biểu<br>quyết |
|-----|---------------------|------------------|---------------------|------------|-------------|------------------------|
|     |                     |                  |                     | Cá<br>nhân | Đại<br>diện |                        |
| 1   | Trịnh Anh Tuấn      | Chủ tịch<br>HĐQT | 01507500201         |            | 600.000     | 20,00%                 |
| 2   | Nguyễn Quốc Việt    | Phó CT<br>HĐQT   | 001073069897        | 15.894     | 581.183     | 19,9 %                 |
| 3   | Nguyễn Thị Việt Ánh | TV HĐQT          | 380014296           | 2.570      |             | 0,086%                 |
| 4   | Nguyễn Hoàng Tuấn   | TV HĐQT          | 079086011038        |            | 581.183     | 19,37%                 |

Trong đó:

- Thành viên là đại diện ủy quyền của TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC:

- + Ông Trịnh Anh Tuấn
- + Ông Nguyễn Quốc Việt
- + Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thành viên là đại diện ủy quyền của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau
  - + Bà Nguyễn Thị Việt Ánh (nộp đơn xin từ nhiệm ngày 19/08/2024).

#### 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

#### 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị, trong năm 2024 như sau:

| STT | Thành viên HĐQT     | Chức vụ       | Số buổi<br>họp<br>tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham<br>dự                     |
|-----|---------------------|---------------|---------------------------|-------|--------------------------------------------|
| 2   | Trịnh Anh Tuấn      | Chủ tịch HĐQT | 7                         | 100%  |                                            |
| 3   | Nguyễn Quốc Việt    | Phó chủ tịch  | 7                         | 100%  |                                            |
| 4   | Nguyễn Thị Việt Ánh | Thành viên    | 4                         | 57%   | Nộp đơn xin từ nhiệm<br>từ ngày 19/08/2024 |
| 5   | Nguyễn Hoàng Tuấn   | Thành viên    | 7                         | 100%  |                                            |

- + Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua.

- Giám sát chặt chẽ công tác quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính ở mức an toàn.

- Đảm bảo môi trường làm việc và thăng tiến, lương thưởng và các chế độ phụ cấp cho cán bộ công nhân viên.

+ Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT. HĐQT bổ nhiệm chức danh thư ký HĐQT để thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

#### 1.4 Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                    |
|-----|------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 000189/NQ-<br>HĐQT           | 03/01/2024 | - Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024;<br>- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2024. |
| 2   | 000073/NQ-<br>HĐQT           | 25/06/2024 | - Về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Bà chiều.         |
| 3   | 000099/NQ-PCF                | 20/08/2024 | - Về việc xin từ nhiệm Thành viên HĐQT Công ty của Bà Nguyễn Thị Việt Ánh.                                                                  |
| 4   | 0000112/NQ-<br>PCF           | 07/10/2024 | - Thông qua kết quả hoạt động SXKD Quý III/2024;<br>- Thông qua kế hoạch hoạt động SXKD Quý IV/2024.                                        |
| 5   | 0000145/NQ-<br>PCF           | 31/12/2024 | - Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2024;<br>- Thông qua kế hoạch hoạt động SXKD năm 2025.                                               |

## 2. Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên BKS    | Chức vụ    | Số buổi<br>họp<br>BKS<br>tham<br>dự | Tỷ lệ | Lý do không<br>tham dự |
|-----|-------------------|------------|-------------------------------------|-------|------------------------|
| 1   | Nguyễn Hanh Hoàng | Trưởng BKS | 02                                  | 100%  |                        |



|   |              |            |    |       |  |
|---|--------------|------------|----|-------|--|
| 2 | Vũ Trọng Duy | Thành viên | 02 | 100 % |  |
|---|--------------|------------|----|-------|--|

Hoạt động của Ban kiểm soát: theo quy định của Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.

Giám sát hoạt động của Công ty trong năm 2024 tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ. Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Ngoài lương và thù lao không có các khoản lợi ích khác và chi phí khác cho từng thành viên HĐQT và BKS; Thù lao đã nhận trong năm và đã bao gồm cả khấu trừ thuế 10%, như sau:

| STT                      | Mã    | Họ và tên           | Thù lao            |
|--------------------------|-------|---------------------|--------------------|
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |       |                     |                    |
| 2                        | HD    | Trịnh Anh Tuấn      | 61.500.000         |
| 3                        | HD    | Nguyễn Quốc Việt    | 37.500.000         |
| 4                        | HD    | Nguyễn Thị Việt Ánh | 24.000.000         |
| 5                        | HD    | Nguyễn Hoàng Tuấn   | 37.500.000         |
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b>     |       |                     |                    |
| 1                        | TBKS  | Nguyễn Hanh Hoàng   | 37.500.000         |
| 2                        | TVBKS | Vũ Trọng Duy        | 15.000.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         |       |                     | <b>213.000.000</b> |

**3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm: không có giao dịch

**3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: tuân thủ theo quy định Pháp luật và Điều lệ công ty về quản trị công ty...

## VI. Báo cáo tài chính

**1. Báo cáo tài chính được kiểm toán** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cà phê PETEC.

### 2. Cơ sở ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày kết thúc niên độ ngày 31/12/2024, số dư về khoản thuế GTGT đầu vào khấu trừ là: 6.189.607.538 VND, trong đó phần lớn là khoản thuế đã tồn tại nhiều năm nay và theo giải thích từ phía công ty là làm thủ tục xin Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh để được hoàn thuế và đến nay vẫn chờ xác minh của chi cục thuế TPHCM.

### 3. Ý kiến của Kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “**Cơ sở ý kiến của kiểm toán ngoại trừ**”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Petec tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập trình và trình bày báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Việt